

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
THÀNH PHỐ M**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1073/2022/DS-ST
Ngày: 23- 11 - 2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, THÀNH PHỐ M**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm
2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Như Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố M tham gia phiên Tòa: Bà Đặng Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2022/TLST - DS ngày 11 tháng 3 năm 2022 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 389/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 347/2022/QĐST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần P

Địa chỉ: 41, 45 L, phường B, Quận X, Thành phố M.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Ông A, sinh năm 1965, địa chỉ: 31A Lê Văn Miến, phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố M; là người đại diện theo pháp luật (Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị)

Ông A ủy quyền cho ông B (Giám đốc Phòng xử lý nợ) (Văn bản ủy quyền số 66/2021/UQ-CT.HĐQT ngày 30/6/2021)

Ông B ủy quyền lại cho ông C, sinh năm 1984 (Văn bản ủy quyền số 213/2021/UQ-OCB ngày 24/11/2021)

Địa chỉ liên lạc: Lầu 2, số 41 L, phường B, Quận X, Thành phố M (ông Bắc có mặt).

2. *Bị đơn:*

Ông Trần Văn D, sinh năm 1992

Và bà Phan Thị Cẩm L, sinh năm 1992

Cùng địa chỉ: 96/4A ấp 4, xã Z, huyện H, Thành phố M
(ông D, bà L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần P có ký với ông Trần Văn D và bà Phan Thị Cẩm L 02 hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số 0414/2017/HĐTD-CN ngày 21/7/2017 với nội dung cho ông Trần Văn D và bà Phan Thị Cẩm L vay cụ thể như sau:

Số tiền giải ngân: 450.000.000 đồng; Mục đích giải ngân: Vay mua xe ô tô; Thời hạn vay: 72 tháng, từ 24/7/2017 đến ngày 24/7/2023. Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 7,99%/năm (trên cơ sở tính 1 năm là 360 ngày), tương đương lãi suất vay trên cơ sở tính 1 năm là 365 ngày là 8,1009%/năm, với công thức quy đổi là $(7,99\%/năm : 360 \text{ ngày}) \times 365 \text{ ngày}$, áp dụng trong 12 tháng đầu, từ tháng thứ 13 trở đi áp dụng lãi suất điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần theo công thức tính lãi như sau: lãi suất cho vay điều chỉnh = lãi suất cơ sở + biên độ lãi suất, trong đó lãi suất cơ sở: (Bảng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do OCB công bố tại thời điểm tính lãi : 360) x 365, biên độ lãi suất: (tối thiểu 3,7%/năm : 360) x 365. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Nợ gốc được trả định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25, ngày trả gốc đầu tiên là ngày 25/8/2017; từ kỳ 01 đến kỳ 71 mỗi kỳ trả 6.250.000 đồng, kỳ cuối trả 6.250.000 đồng; trả nợ lãi định kỳ vào ngày 25 hàng tháng theo dư nợ thực tế.

Ngân hàng Thương mại cổ phần P đã giải ngân cho ông Trần Văn D và bà Phan Thị Cẩm L theo khế ước nhận nợ số 0414/2017-OCB/KUNN-CN ngày 24/7/2017 với số tiền 450.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với hợp đồng tín dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần Văn D và bà Phan Thị Cẩm L đã thanh toán nợ gốc được 81.250.000 đồng, thanh toán lãi 37.532.046 đồng. Kể từ ngày 25/8/2021 ông Trần Văn D và bà Phan Thị Cẩm L không thanh toán thêm khoản tiền nào cho Ngân hàng mặc dù ngân hàng nhiều lần nhắc nhở. Từ ngày 25/9/2021 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số tiền gốc sang nợ quá hạn. Tạm tính đến 26/10/2022, ông Trần Văn D và bà Phan Thị Cẩm L còn nợ Ngân hàng số tiền theo hợp đồng trên là 615.458.880 đồng, trong đó: nợ gốc là 368.750.000 đồng, lãi trong hạn 106.323.751 đồng, lãi quá hạn 113.077.456 đồng, lãi chậm trả 27.326.891 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 0496/2017/HĐTD-CN ngày 12/9/2017 với nội dung cho ông Trần Văn D và bà Phan Thị Cẩm L vay cụ thể như sau:

Số tiền giải ngân: 450.000.000 đồng; Mục đích giải ngân: Vay mua xe ô tô; Thời hạn vay: 48 tháng, từ 13/9/2017 đến ngày 13/9/2021. Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 7,99%/năm (trên cơ sở tính 1 năm là 360 ngày), tương đương lãi suất vay trên cơ sở tính 1 năm là 365 ngày là 8,1009%/năm, với công thức quy đổi là $(7,99\%/năm : 360 \text{ ngày}) \times 365 \text{ ngày}$, áp dụng trong 12 tháng đầu, từ tháng thứ 13 trở đi áp dụng lãi suất điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần theo công thức tính lãi như sau: lãi suất cho vay điều chỉnh = lãi suất cơ sở + biên độ lãi suất, trong đó lãi suất cơ sở: (Bảng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do OCB công bố tại thời điểm tính lãi : 360) x 365, biên độ lãi suất: (tối thiểu 3,7%/năm : 360) x 365. Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Nợ gốc được trả định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25, ngày trả gốc đầu tiên là ngày 25/10/2017; từ kỳ 01 đến kỳ 47 mỗi kỳ trả 9.300.000 đồng, kỳ

cuối trả 12.900.000 đồng; trả nợ lãi định kỳ vào ngày 25 hàng tháng theo dư nợ thực tế.

Ngân hàng Thương mại cổ phần P đã giải ngân cho ông Trần Văn D và bà Phan Thị Cẩm L theo khế ước nhận nợ số 0496/2017-OCB/KUNN-CN ngày 13/9/2017 với số tiền 450.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với hợp đồng tín dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần Văn D và bà Phan Thị Cẩm L đã thanh toán nợ gốc được 102.300.000 đồng, thanh toán lãi 31.105.603 đồng. Kể từ ngày 25/8/2021 ông Trần Văn D và bà Phan Thị Cẩm L không thanh toán thêm khoản tiền nào cho Ngân hàng mặc dù ngân hàng nhiều lần nhắc nhở. Từ ngày 25/9/2021 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số tiền gốc sang nợ quá hạn. Tạm tính đến 26/10/2022, ông Trần Văn D và bà Phan Thị Cẩm L còn nợ Ngân hàng số tiền theo hợp đồng trên là 590.815.915 đồng, trong đó: nợ gốc là 347.700.000 đồng, lãi trong hạn 64.643.838 đồng, lãi quá hạn 158.375.213 đồng, lãi chậm trả: 20.096.864 đồng.

Ngân hàng TMCP P yêu cầu ông Trần Văn D và bà Phan Thị Cẩm L phải thanh toán ngay cho ngân hàng số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số 0414/2017/HĐTD-CN ngày 21/7/2017 và Hợp đồng tín dụng số 0496/2017/HĐTD-CN ngày 12/9/2017, tạm tính đến 26/10/2022, tổng cộng là 1.206.274.795 đồng và yêu cầu ông Trần Văn D và bà Phan Thị Cẩm L phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 27/10/2022 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo lãi suất quy định tại các hợp đồng tín dụng trên.

Ngoài ra, để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của 02 hợp đồng tín dụng trên, ông Trần Văn D và bà Phan Thị Cẩm L có ký 02 hợp đồng thế chấp: Hợp đồng thế chấp xe ô tô hình thành trong tương lai số 0496/2017/BĐ ngày 12/9/2017 và Hợp đồng thế chấp xe ô tô hình thành trong tương lai số 0414/2017/BĐ ngày 21/7/2017. Theo đó, thế chấp cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P 02 xe ô tô: xe ô tô nhãn hiệu DOTHANH, số loại IZ49-TMB, số máy ZLQ432057003, số khung 17APHD000549, biển số 51D-219.28, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 299842 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố M cấp ngày 11/9/2017, do ông Trần Văn D đứng tên; xe ô tô nhãn hiệu DOTHANH, số loại IZ49-TMB, số máy ZLQ432044816, số khung 17APHD000316, biển số 51D-214.84, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 288036 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố M cấp ngày 20/7/2017, do ông Trần Văn D đứng tên. Tuy nhiên, Ngân hàng Thương mại Cổ phần P chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn D và bà Phan Thị Cẩm L thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, đối với tài sản bảo đảm cho khoản vay, Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn: Ông Trần Văn D và bà Phan Thị Cẩm L đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Trần Văn D và bà Phan Thị Cẩm L phải thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP P số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 23/11/2022, tổng cộng là 1.217.200.307 đồng, trong đó:

Số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 0414/2017/HĐTD-CN ngày 21/7/2017 là 621.140.506 đồng, trong đó: nợ gốc là 368.750.000 đồng, lãi trong hạn: 106.881.095 đồng, lãi quá hạn 117.355.707 đồng; lãi chậm trả: 28.153.704 đồng.

Số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 0496/2017/HĐTD-CN ngày 12/9/2017 là 596.059.801 đồng, trong đó: nợ gốc là 347.700.000 đồng, lãi trong hạn: 64.643.838 đồng, lãi quá hạn: 163.116.313 đồng, lãi chậm trả: 20.599.650 đồng.

Yêu cầu ông Trần Văn D và bà Phan Thị Cẩm L phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 24/11/2022 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo lãi suất quy định tại các hợp đồng tín dụng đã ký, yêu cầu trả một lần toàn bộ số tiền nêu trên ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án nhân dân huyện H, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng việc vi phạm trên không làm thay đổi bản chất vụ án, không làm ảnh hưởng đến tính khách quan, toàn diện, đầy đủ và chính xác khi giải quyết vụ án, nên Viện kiểm sát chỉ kiến nghị để Tòa án rút kinh nghiệm. Các đương sự đã được bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Về nội dung vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và tranh luận của các bên đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Thương mại Cổ phần P căn cứ các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ do ông Trần Văn D và bà Phan Thị Cẩm L ký với Ngân hàng để khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn D và bà Phan Thị Cẩm L trả nợ, xác định đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng. Theo kết quả xác minh của Công an xã Z, huyện H, Thành phố M thì ông Trần Văn D, sinh năm 1992 và bà Phan Thị Cẩm L, sinh năm 1992 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 96/4A, tổ 20, ấp 4, xã Z, huyện H, Thành phố M. Bán nhà năm 2017, hiện không còn cư ngụ tại địa chỉ trên (hiện cư ngụ tại: Khu vực 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh E). Tuy nhiên, Công an thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh E trả lời xác minh “ông Trần Văn D, sinh năm 1992 và bà Phan Thị Cẩm L, sinh năm 1992 không có hộ khẩu thường trú tại thị trấn Đ đồng thời cũng không đăng ký tạm trú tại Khu vực 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh E, không xác định được thời điểm và địa điểm chuyển đi của 02 nhân khẩu trên”. Như vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: ông Trần Văn D và bà Phan Thị Cẩm L đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, kèm các Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H: Trong vụ án này, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện Kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P yêu cầu ông Trần Văn D và bà Phan Thị Cẩm L phải thanh toán ngay cho Ngân hàng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 23/11/2022, tổng cộng là 1.217.200.307 đồng và yêu cầu ông Trần Văn D và bà Phan Thị Cẩm L phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 24/11/2022 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo lãi suất quy định tại các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký, yêu cầu trả một lần toàn bộ số tiền nêu trên ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[2.1] Căn cứ nội dung Hợp đồng tín dụng số 0414/2017/HĐTD-CN ngày 21/7/2017 và Hợp đồng tín dụng số 0496/2017/HĐTD-CN ngày 12/9/2017, khế ước nhận nợ số 0414/2017-OCB/KUNN-CN ngày 24/7/2017, khế ước nhận nợ số 0496/2017-OCB/KUNN-CN ngày 13/9/2017 do ông Trần Văn D, bà Phan Thị Cẩm L ký với Ngân hàng TMCP P và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đủ cơ sở xác định Ngân hàng TMCP P có cho ông Trần Văn D, bà Phan Thị Cẩm L vay 02 lần tiền, mỗi lần 450.000.000 đồng vào ngày 24/7/2017 và 13/9/2017, tổng cộng là 950.000.000 đồng, mục đích vay mua xe ô tô. Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng, ông Trần Văn D, bà Phan Thị Cẩm L chỉ thanh toán được 81.250.000 đồng tiền nợ gốc, 37.532.046 đồng tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng số 0414/2017/HĐTD-CN ngày 21/7/2017 và 102.300.000 đồng tiền nợ gốc, 31.105.603 đồng tiền nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số 0496/2017/HĐTD-CN ngày 12/9/2017. Kể từ ngày 25/8/2021 ông Trần Văn D và bà Phan Thị Cẩm L không thanh toán thêm khoản tiền nào cho Ngân hàng mặc dù ngân hàng nhiều lần nhắc nhở, do đó ngân hàng đã chuyển toàn bộ số tiền nợ gốc sang nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 23/11/2022 ông Trần Văn D, bà Phan Thị Cẩm L còn nợ nguyên đơn tổng cộng là 1.217.200.307 đồng, trong đó:

Số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 0414/2017/HĐTD-CN ngày 21/7/2017 là 621.140.506 đồng, trong đó: nợ gốc là 368.750.000 đồng, lãi trong hạn: 106.881.095 đồng, lãi quá hạn 117.355.707 đồng; lãi chậm trả: 28.153.704 đồng.

Số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 0496/2017/HĐTD-CN ngày 12/9/2017 là 596.059.801 đồng, trong đó: nợ gốc là 347.700.000 đồng, lãi trong hạn: 64.643.838 đồng, lãi quá hạn: 163.116.313 đồng, lãi chậm trả: 20.599.650 đồng.

[2.2] Quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, tuy những lời trình bày, cung cấp tài liệu, chứng cứ chỉ từ một phía nguyên đơn, nhưng Tòa án đã thực hiện việc thông báo, triệu tập hợp lệ, thông báo trên cổng thông tin điện tử của Tòa án và đăng báo, đài của Trung ương 03 số liên tiếp nhưng ông Trần Văn D và bà Phan Thị Cẩm L vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, cho thấy ông Trần Văn D và bà Phan Thị Cẩm L đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Đối chiếu lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xét thấy, ông Trần Văn D và bà Phan Thị Cẩm L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại các hợp đồng đã ký kết với nguyên đơn. Việc nguyên đơn yêu cầu ông Trần Văn D và bà Phan Thị Cẩm L phải trả ngay một lần số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0414/2017/HĐTD-CN ngày 21/7/2017 là 621.140.506 đồng và Hợp đồng tín dụng số 0496/2017/HĐTD-CN ngày 12/9/2017 là 596.059.801 đồng, tổng cộng: 1.217.200.307 đồng và phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 24/11/2022 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số

0414/2017/HĐTD-CN và Hợp đồng tín dụng số 0496/2017/HĐTD-CN ngày 12/9/2017, khế ước nhận nợ số 0414/2017-OCB/KUNN-CN ngày 24/7/2017, khế ước nhận nợ số 0496/2017-OCB/KUNN-CN ngày 13/9/2017 đã ký với nguyên đơn, là phù hợp với quy định tại các Điều 280, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, nên có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Về thời hạn thanh toán: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã lâu nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán một lần số tiền ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Nội dung phát biểu ý kiến tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 280, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Áp dụng Luật phí và lệ phí;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm,

Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần P.

Buộc ông Trần Văn D và bà Phan Thị Cẩm L phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 23/11/2022, tổng cộng là 1.217.200.307 đồng, trong đó:

Số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 0414/2017/HĐTD-CN ngày 21/7/2017 là 621.140.506 đồng, trong đó: nợ gốc là 368.750.000 đồng, lãi trong hạn: 106.881.095 đồng, lãi quá hạn 117.355.707 đồng; lãi chậm trả: 28.153.704 đồng.

Số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 0496/2017/HĐTD-CN ngày 12/9/2017 là 596.059.801 đồng, trong đó: nợ gốc là 347.700.000 đồng, lãi trong hạn: 64.643.838 đồng, lãi quá hạn: 163.116.313 đồng, lãi chậm trả: 20.599.650 đồng.

Ông Trần Văn D và bà Phan Thị Cẩm L còn phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P các khoản tiền lãi và phí phát sinh kể từ ngày 24/11/2022 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0414/2017/HĐTD-CN và Hợp đồng tín dụng số 0496/2017/HĐTD-CN ngày 12/9/2017, khế ước nhận nợ số 0414/2017-OCB/KUNN-CN ngày 24/7/2017, khế ước nhận nợ số 0496/2017-OCB/KUNN-CN ngày 13/9/2017 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong các hợp đồng nêu trên, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của nguyên đơn thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của nguyên đơn.

Phương thức và thời hạn trả: Trả một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn D và bà Phan Thị Cẩm L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 48.516.009đ (Bốn mươi tám triệu năm trăm mười sáu nghìn không trăm L chín đồng). Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P số tiền 21.489.460đ (Hai mươi một triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm sáu mươi đồng) tiền tạm ứng án phí do Ngân hàng Thương mại Cổ phần P đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0038965 ngày 11/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, Thành phố M.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện H, TP. HCM;
- Chi cục THADS huyện H, TP. HCM;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Oanh